

Số: 783/BC-CTK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ IV VÀ NĂM 2023

Tính đến cuối năm 2023, các tổ chức quốc tế điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 theo các hướng khác nhau và đều thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2022¹. Các rủi ro, bất ổn về kinh tế vẫn tồn tại, kéo dài, làm suy giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế như: Kinh tế Trung Quốc hồi phục chậm, giá hàng hóa ngày càng biến động do các cú sốc về khí hậu và địa chính trị, áp lực lạm phát vẫn tiềm ẩn, các quốc gia vẫn thận trọng khi nới lỏng chính sách tiền tệ, biến đổi khí hậu diễn ra khó lường.

Đối với Việt Nam, các tổ chức quốc tế đều hạ dự báo tăng trưởng so với các báo cáo trước đây. Theo Báo cáo triển vọng phát triển châu Á phát hành tháng 12/2023, ADB dự báo tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam đạt 5,2%, điều chỉnh giảm 0,6 điểm phần trăm so với dự báo tháng 9/2023. Cả WB và IMF đều dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 4,7% năm 2023.

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP năm 2023 ước đạt 1.621.191 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt 1.099.072 tỷ đồng, tăng 5,81% so với năm 2022.

Khu vực nông lâm thủy sản tăng 1,53%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,42%, trong đó công nghiệp tăng 4,41%; khu vực thương mại dịch vụ tăng 6,79%; thuế sản phẩm tăng 3,57%.

Ngoại trừ ngành kinh doanh bất động sản có mức tăng trưởng âm 6,38%, các ngành còn lại đều có mức tăng trưởng khá như: Bán buôn, bán lẻ tăng 10,17%; vận

¹ Liên minh châu Âu (EU) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 3,1%, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2023; Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng đạt 3,0%, giữ nguyên so với dự báo tháng 7/2023; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng trưởng 2,9%, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023; Fitch Ratings (FR) dự báo tăng trưởng đạt 2,9%, cao hơn 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023; Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định tăng trưởng toàn cầu đạt 2,1% năm 2023, giữ nguyên so với dự báo trong tháng 6/2023.

tải, kho bãi tăng 7,64%; thông tin và truyền thông tăng 5,94%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,69%; dịch vụ hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ tăng 6,61%; giáo dục và đào tạo tăng 7,03%; y tế và hoạt động cứu trợ tăng 3,24%. Riêng ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống có mức tăng cao nhất (+16,38%) so với năm 2022.

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2023

	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá hiện hành)	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (điểm %)
Tổng số	1.621.191	1.099.072	5,81	5,81
<i>Chia theo khu vực</i>				
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8.190	4.613	1,53	0,01
- Công nghiệp và xây dựng	353.847	252.693	4,42	1,03
+ Công nghiệp	292.669	213.503	4,41	0,87
+ Xây dựng	61.178	39.190	4,48	0,16
- Thương mại - Dịch vụ	1.052.438	706.860	6,79	4,32
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	206.716	134.906	3,57	0,45

Trong mức tăng trưởng chung 5,81% của nền kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,01 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 1,03 điểm phần trăm, trong đó công nghiệp đóng góp 0,87 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 4,32 điểm phần trăm; thuế sản phẩm đóng góp 0,45 điểm phần trăm.

Về cơ cấu kinh tế, xét theo giá hiện hành: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 0,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 21,9%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 64,9%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,7%.

Chín ngành dịch vụ chủ yếu chiếm 59,6% trong GRDP, chiếm 91,8% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 04 ngành chiếm tỷ trọng cao trong GRDP là thương nghiệp (16,7%), vận tải kho bãi (9,3%), tài chính ngân hàng (10,2%), hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (5,2%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả; tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của Thành phố. Trong năm 2023, giá gạo tăng cao (do Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo để kiểm soát lạm phát), giá nhiều loại phân bón dần hạ nhiệt, chi phí sản xuất giảm đáng kể, nông dân trồng lúa có lợi nhuận tăng hơn so với năm trước.

2.1. Trồng trọt

Cây hàng năm,

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đến ngày 15/12/2023 đạt 33.394,5 ha, giảm 3,3% so với cùng kỳ, trong đó:

Vụ lúa Đông Xuân: Diện tích lúa đã gieo cấy đạt 4.798,5 ha, tăng 4,4%; sản lượng đạt 26.727,7 tấn, tăng 7,1% so với cùng kỳ.

Vụ lúa Hè Thu: Diện tích lúa đã gieo cấy đạt 5.746,5 ha, giảm 2,7%; sản lượng đạt 31.139,9 tấn, tăng 1,3%.

Vụ lúa Mùa: Diện tích lúa gieo cấy đạt 5.469,9 ha, giảm 4,3%; sản lượng đạt 28.272 tấn, giảm 1,8%.

Diện tích trồng ngô đạt 362,6 ha, tăng 25,1%; diện tích trồng sắn đạt 284,2 ha, tăng 6,0%; diện tích trồng lạc đạt 33,5 ha, giảm 49,2%; diện tích gieo trồng rau các loại đạt 6.013,7 ha, giảm 10,2%; diện tích trồng hoa lan đạt 611,1 ha, giảm 4,1%.

Cây lâu năm,

Năm 2023, diện tích trồng một số loại cây trọng điểm như: Diện tích cây cao su hiện có 1.980,0 ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ; diện tích cây xoài hiện có 458,2 ha, giảm 3,4%; diện tích trồng bưởi hiện có 572,0 ha, tăng 5,2%; diện tích trồng chuối hiện có 560,7 ha, tăng 6,5%.

Tình hình sinh vật gây hại,

Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau là 5.733,1 ha, giảm 7,8% so với năm 2022.

Diện tích nhiễm sinh vật hại trên hoa lan, cây cảnh là 388,2 ha, giảm 41,1% so với năm 2022.

Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa là 6.537,1 ha, giảm 5,7%.

2.2. Chăn nuôi

Năm 2023, tổng đàn chăn nuôi của Thành phố có xu hướng giảm nhưng sản lượng chăn nuôi duy trì ổn định, đảm bảo cung cấp cho thị trường do có sự kiểm soát tốt tình hình bệnh trên gia súc và gia cầm.

Đàn trâu ước tính có 3.215 con, giảm 13,8%

Đàn bò ước tính có 95.645 con, giảm 4,9%, trong đó đàn bò sữa có 57.079 con, giảm 6,9%.

Đàn lợn thịt ước tính 183.925 con, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm ước tính có 352,3 nghìn con, tăng 0,1%, trong đó đàn gà có 330,0 nghìn con, tăng 0,1%.

2.3. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng là 36.822 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,6%. Tổng số gỗ khai thác trong năm 2023 ước đạt 3.200 m³ ở Công ty cây trồng Thành phố và khoảng 2.350 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân tại huyện Cần Giờ.

Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên.

2.4. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản năm 2023 ước thực hiện 60.141,2 tấn, tăng 5,3% so với năm 2022. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 15.243,1 tấn, giảm 4,6%; sản lượng tôm ước đạt 14.308,4 tấn, tăng 4,1%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 30.589,7 tấn, tăng 11,6%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2023 ước thực hiện 13.385,5 tấn, giảm 3,9% so với năm 2022. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 7.758,9 tấn, giảm 4,9%; sản lượng tôm ước đạt 1.893,9 tấn, giảm 12,3%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 3.732,7 tấn, tăng 3,1%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 ước đạt 46.755,7 tấn, tăng 8,2% so với năm 2022. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 7.484,2 tấn, giảm 4,4% so với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 12.414,5 tấn, tăng 7,1%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 26.857,0 tấn, tăng 12,9%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/12/2023)

Tôm sú: Hiện có 304 lượt hộ thả nuôi với 171,6 triệu con giống trên diện tích 3.290,7 ha. Diện tích thả nuôi tăng 1,3%, số lượng con giống tăng 15,3% so với cùng kỳ.

Tôm thẻ chân trắng: Có 1.838 lượt hộ thả nuôi với 673,4 triệu con giống trên diện tích 1.484,2 ha. Diện tích thả nuôi tăng 0,6%, số lượng con giống giảm 4,2% so với cùng kỳ.

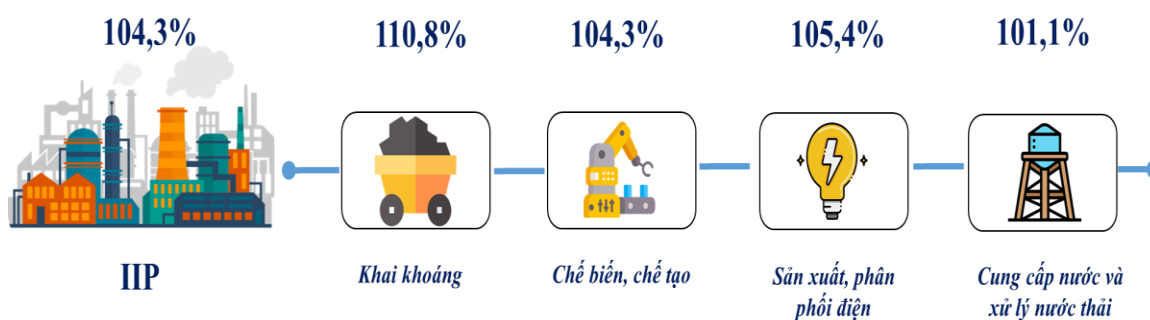
Tính từ đầu năm đến nay đã có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,2 ha, số lượng con giống thiệt hại là 3,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 2.746 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 năm 2023 ước tính tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 1,0% so với tháng trước, tăng 51,5% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,6% so với tháng trước, tăng 8,9% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 0,3% so với tháng trước, tăng 4,1% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 0,3% so với tháng trước và giảm 4,1% so với cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố tăng 4,3% so với năm 2022. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,1%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 19/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 tăng so với năm 2022. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 30,0%; sản xuất than cốc và sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 21,4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 17,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 15,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 14,2%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất kim loại giảm 14,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 13,7%; sản xuất đồ uống giảm 13,4%; sản xuất xe có động cơ giảm 11,0%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu
so với cùng kỳ**

Đơn vị tính: %

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	95,3	85,4	113,5	104,3
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	311,6	82,3	133,4	110,8
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	94,6	85,0	112,4	104,3
3. SX và phân phối điện	98,9	94,7	162,0	105,4
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	99,0	97,8	109,7	101,1
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	101,7	93,5	112,7	97,6
2. Sản xuất đồ uống	93,8	69,5	134,3	86,6
3. Sản xuất trang phục	78,3	73,7	122,0	90,2
4. Sản xuất da và SP liên quan	82,7	81,8	108,4	92,2
5. SX hóa chất và SP hóa chất	117,4	94,6	107,3	111,0
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	93,0	96,2	159,9	130,0
7. SP từ khoáng kim loại	98,9	87,7	107,9	86,3
8. Sản xuất SP điện tử	118,5	82,3	99,0	105,6
9. Sản xuất thiết bị điện	101,7	93,0	104,4	111,1
10. Sản xuất xe có động cơ	83,6	102,5	133,7	89,0

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 tăng 6,0% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành hóa dược tăng 19,4%; ngành cơ khí tăng 6,7%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 5,6%; ngành chế biến lương thực và thực phẩm giảm 6,4%.

Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống: Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 giảm 7,0% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành dệt tăng 3,7%; ngành sản xuất trang phục giảm 9,8%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 7,8%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2023 tăng cao so với năm 2022 như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 35,4%; phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 28,9%; thuốc lá điếu tăng 7,7%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Bia chai, lon giảm 21,8%; xi măng giảm 21,4%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 năm 2023 ước tính tăng 13,3% so với tháng trước và tăng 4,0% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 4,0% so với năm 2022. Trong đó, có 12/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng, 11 ngành có chỉ số tiêu thụ giảm. Một số ngành tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 78,6%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre,

nửa tăng 74,8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29,7%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 21,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,5%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 12 năm 2023 ước tính tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ. Trong đó, 14/23 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tồn kho tăng. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: Dệt tăng 48,2%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 46,0%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 39,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 33,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 25,8%. Có 9/23 ngành có chỉ số tồn kho giảm, trong đó một số ngành như: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 35,9%; sản xuất thiết bị điện giảm 25,9%; sản xuất đồ uống giảm 23,1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 21,3%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 12 năm 2023 tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 9,2% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023, chỉ số lao động giảm 3,4% so với năm 2022. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29,8%; sản xuất xe có động cơ tăng 23,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 20,0%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 18,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác giảm 12,9%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 8,6%.

Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV năm 2023: Có 24,9% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên so với quý trước; 41,1% giữ ổn định và 34,0% khó khăn hơn. Trong đó, 84,6% doanh nghiệp nhà nước nhận định rằng tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên và giữ ổn định; tỷ lệ này ở doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn từ nước ngoài lần lượt là 66,7% và 60,0%.

Dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm 2024 so với quý IV năm 2023: Có 21,9% doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, 43,5% giữ ổn định và 34,6% khó khăn hơn. Trong đó, có 66,7% doanh nghiệp nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I năm 2024, tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và có vốn từ nước ngoài là 65,3% và 65,2%.

4. Hoạt động doanh nghiệp

4.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp²

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/12/2023, Thành phố đã cấp phép 52.108 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 470.332,3 tỷ đồng, tăng 17,4% về giấy phép và giảm 0,5% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 38.936 doanh nghiệp thành lập, tăng 19,5% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 331.255,2 tỷ đồng, giảm 7,5%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 47.197 đơn vị, tăng 21,1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 358.161,3 tỷ đồng, tăng 30,9% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 4.315 đơn vị, giảm 12,8%; vốn đăng ký 111.778,9 tỷ đồng, giảm 43,8%. Doanh nghiệp tư nhân có 591 đơn vị, tăng 31,0%; vốn đăng ký 335,7 tỷ đồng, tăng 25,5%.

Phân theo khu vực kinh tế:

Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 165 đơn vị với vốn đăng ký đạt 2.508,6 tỷ đồng, giảm 0,6% về cấp phép và giảm 8,0% về vốn so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 9.574 doanh nghiệp, tăng 12,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 120.703 tỷ đồng, tăng 22,1%. Trong đó, ngành công nghiệp có 5.139 đơn vị, tăng 7,2% và vốn đăng ký 36.279,6 tỷ đồng, giảm 35,1%; ngành xây dựng có 4.435 doanh nghiệp, tăng 19,9% và vốn đăng ký 84.423,4 tỷ đồng, tăng 96,6%.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 42.369 doanh nghiệp, tăng 18,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 347.120,7 tỷ đồng, giảm 6,4%. Trong đó, thương nghiệp 22.853 đơn vị, tăng 32,5% và vốn đăng ký đạt 171.845,5 tỷ đồng, tăng 35,1%; vận tải kho bãi có 2.713 đơn vị, tăng 27,4 % và vốn đăng ký đạt 19.906,6 tỷ đồng, tăng 43,0%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 2.366 đơn vị, tăng 12,4% và vốn đăng ký đạt 14.944,2 tỷ đồng, giảm 2,0%; kinh doanh bất động sản có 1.541 đơn vị, giảm 38,7% và vốn đăng ký đạt 62.142,1 tỷ đồng, giảm 44,9%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 4.917 đơn vị, tăng 13,0% và đăng ký 32.713,1 tỷ đồng, tăng 22,0%.

² Theo báo cáo của Sở kế hoạch và đầu tư.

4.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/12/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố đạt 5.852,0 triệu USD, tăng 48,5 % so với cùng kỳ, trong đó:

- **Cấp mới** có 1.202 dự án cấp phép mới, tăng 34,6% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 598,4 triệu USD, giảm 0,5%. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 512 dự án, vốn đăng ký là 230,3 triệu USD, chiếm 38,5% vốn đăng ký cấp mới; kể đến hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 297 dự án, vốn đăng ký 139,6 triệu USD, chiếm 23,3%; hoạt động Công nghiệp chế biến, chế tạo có 20 dự án, vốn đăng ký là 67,7 triệu USD, chiếm 11,3%; hoạt động xây dựng với 09 dự án, vốn đăng ký là 54,5 triệu USD, chiếm 9,1%. Singapore là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 203 dự án, vốn đăng ký đạt 172,7 triệu USD, chiếm 28,9% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản với 103 dự án, vốn đăng ký 87,5 triệu USD, chiếm 14,6%; Ấn Độ với 46 dự án, vốn đăng ký đạt 62,5 triệu USD, chiếm 10,4%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 296 dự án điều chỉnh vốn đăng ký, tăng 54,2% so với cùng kỳ và vốn điều chỉnh đạt 964,9 triệu USD, giảm 39,7%. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản có 11 dự án, vốn đăng ký tăng 370,5 triệu USD chiếm 38,4% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ có 63 dự án, vốn đăng ký tăng 199,0 triệu USD chiếm 20,6%; hoạt động thông tin và truyền thông có 53 dự án, vốn đăng ký 154,7 triệu USD, chiếm 16,0%; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy có 97 dự án, vốn đăng ký tăng 104,7 triệu USD, chiếm 10,9%. Singapore là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong năm 2023 đạt 417,2 triệu USD, chiếm 43,2% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 2.314 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với góp vốn là 4.288,7 triệu USD, tăng 146,7% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản có số vốn góp đạt 2.273,3 triệu USD, chiếm 53,0% tổng vốn góp; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đạt 680,5 triệu USD, chiếm 15,9%; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy đạt 538,0 triệu USD, chiếm 15,5%. Singapore và Nhật Bản là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 36,0% và 26,4%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố
(từ ngày 01/01/2023 đến 20/12/2023)

	Năm 2023		% so với cùng kỳ năm 2022	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		5.852,0		148,5
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	1.202	598,4	134,6	99,5
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	296	964,9	154,2	60,3
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	2.314	4.288,7	96,0	246,7

Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 20/12/2023, trên địa bàn Thành phố có 12.398 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn hơn 57,63 tỷ USD (Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước); 26.604 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước với vốn góp đăng ký tương đương 28,08 tỷ USD. Tính chung giá trị vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, vốn đầu tư tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp vào Thành phố đạt hơn 85,71 tỷ USD.

5. Hoạt động thương mại, dịch vụ

5.1. Thương mại

Sức mua nội địa tiếp tục được duy trì, trong thời gian qua Thành phố đã xây dựng nhiều chương trình khuyến mãi kích cầu tiêu dùng, đặc biệt với nhóm hàng lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, phương tiện vận tải. Tuy nhiên, người dân vẫn có tâm lý thắt chặt chi tiêu. Thị trường mua sắm, tiêu thụ hàng hoá vào tháng giáp Tết chưa sôi động.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 năm 2023 ước đạt 110.798 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước (doanh thu thương mại tăng 5,1%, dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 3,0%, dịch vụ du lịch lữ hành giảm 4,7%, dịch vụ khác tăng 3,3%) **và tăng 15,4% so với cùng kỳ.**

Tính riêng quý IV, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 326.067,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 27,4% tổng mức cả năm, tăng 5,8% so với quý III năm 2023 và tăng 14,7% so với quý IV năm 2022.

Ước tính cả năm tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.190.407,3 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12 ước đạt 64.198,5 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ. Trong đó, hầu hết các nhóm hàng có mức tăng cao trên 10% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm tăng 14,1%; hàng may mặc tăng 13,2%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 20,6%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 14,1%; xăng, dầu tăng 34,6%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,0%; ô tô con tăng 26,5%; đá quý, kim loại tăng 60,5%; sửa chữa xe có động cơ tăng 64,6%.

Ước tính cả năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 697.604,7 tỷ đồng, chiếm 58,6% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 11,6% so với năm 2022, trong đó nhiều nhóm hàng tăng cao như nhóm hàng lương thực, thực phẩm (+20,7%); nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+12,4%); nhóm hàng vật phẩm văn hóa giáo dục (+15,5%); nhóm hàng ô tô con (+13,0%); nhóm hàng xăng dầu (+20,9%); nhóm hàng đá quý, kim loại (+42,5%) và nhóm hàng sửa chữa xe có động cơ (+55,5%).

Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 12 ước đạt 9.777,7 tỷ đồng, tăng 3,0% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú giảm 6,1% so với tháng trước và tăng 95,0% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động ăn uống tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ.

Ước tính cả năm 2023, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 108.496,1 tỷ đồng, chiếm 9,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 28,3% so với năm 2022. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 60,7%; dịch vụ ăn uống tăng 25,2%.

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 12 ước đạt 1.100,7 tỷ đồng, giảm 4,7% so với tháng trước, tăng 30,8% so với cùng kỳ.

Ước tính cả năm 2023, doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 11.358 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 68% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 12 ước đạt 35.721,1 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ.

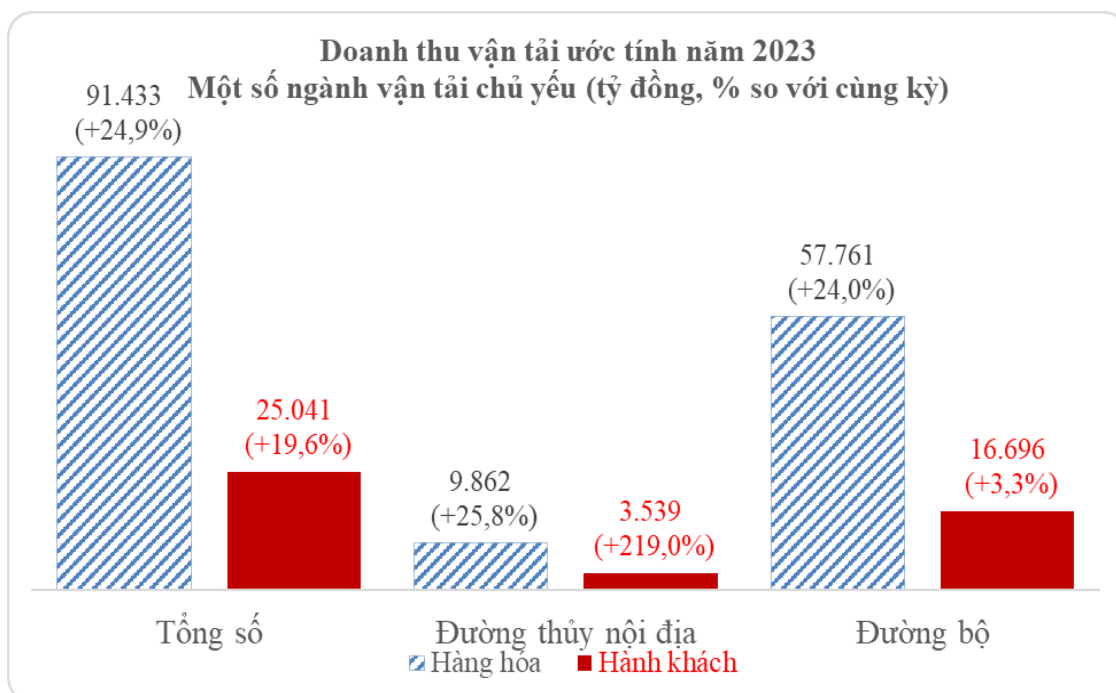
Ước tính cả năm 2023, doanh thu đạt 372.948,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,3%, tăng 0,9% so với năm 2022; trong đó ngành kinh doanh bất động sản chiếm 61,7%, giảm 2,1%.

Tính riêng quý IV năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 189.269,7 tỷ đồng, so với quý trước và quý cùng kỳ có mức tăng lần lượt là 7% và 18,4%; **doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống** ước đạt 29.027,4 tỷ đồng, tăng 1% so với quý trước và tăng 22,5% so với quý cùng kỳ; **doanh thu dịch vụ lãi hành** ước đạt 3.350,4 tỷ đồng, tăng 4,2% so với quý trước và tăng 62,3% so với quý IV năm 2022; **doanh thu dịch vụ khác** đạt 104.420,2 tỷ đồng, tăng 5% và tăng 5,8% lần lượt so với quý trước và quý cùng kỳ năm trước.

5.2. Doanh thu vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải,

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 12 ước đạt 31.647 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 48,5% so với cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 94.007 tỷ đồng, tăng 9,6% so với quý trước và tăng 47,6% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 322.418 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2022.



Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 12 ước đạt 8.503 tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 47,0% so với cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 24.939 tỷ đồng, tăng 5,0% so với quý trước và tăng 39,3% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 91.433 tỷ đồng, tăng 24,9% so với năm 2022. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 63,2%, tăng 24,0%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 10,8%, tăng 25,8%; vận tải đường biển chiếm 25,6%, tăng 27,7% so với năm 2022.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 12 ước đạt 1.910 tỷ đồng, giảm 2,5% so với tháng trước và giảm 14,1% so với cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 6.163 tỷ đồng, giảm 9,4% so với quý trước và giảm 2,2% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 25.041 tỷ đồng, tăng 19,6% so với năm 2022. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,7%, tăng 3,3% so với năm 2022; đường sắt chiếm 4,4%, tăng 18,5%; đường thủy nội địa chiếm 14,1%, tăng 219,0%; đường hàng không chiếm 13,8%, tăng 27,3%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 12 ước đạt 21.234 tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 59,6% so với cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 62.905 tỷ đồng, tăng 13,9% so với quý trước và tăng 59,3% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 205.944 tỷ đồng, tăng 22,7% so với năm 2022. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 197.362 tỷ đồng, tăng 21,9%; Bưu chính và chuyển phát đạt 8.581 tỷ đồng, tăng 46,7%.

Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách,

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 12 ước đạt 22.729 nghìn tấn, giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 23,9% so với cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 68.219 nghìn tấn, tăng 1,3% so với quý trước và tăng 18,8% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 253.273 nghìn tấn, tăng 6,7% so với năm 2022. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 59,8%, giảm 2,6%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 24,9%, tăng 29,0%; vận tải đường biển chiếm 15,1%, tăng 18,7% so với năm 2022.

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 12 ước đạt 56.436 nghìn lượt, tăng 1,9% so với tháng trước và giảm 10,8% so với tháng cùng kỳ. Ước tính quý IV năm 2023 đạt 170.744 nghìn lượt, giảm 33,6% so với quý trước và giảm 8,4% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước đạt 757.282 nghìn lượt, tăng 12,8% so với năm 2022. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 93,6%; tăng 11,5% so với năm 2022; vận tải đường thủy nội địa chiếm 5,7%, tăng 38,3% và vận tải hàng không chiếm 0,4%, tăng 18,9% so với năm 2022.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân sách, ngân hàng, tài chính

1.1. Ngân hàng

Hoạt động ngân hàng trên địa bàn Thành phố trong tháng 12 năm 2023 được duy trì ổn định, các yếu tố lãi suất, tỷ giá diễn biến theo đúng định hướng của

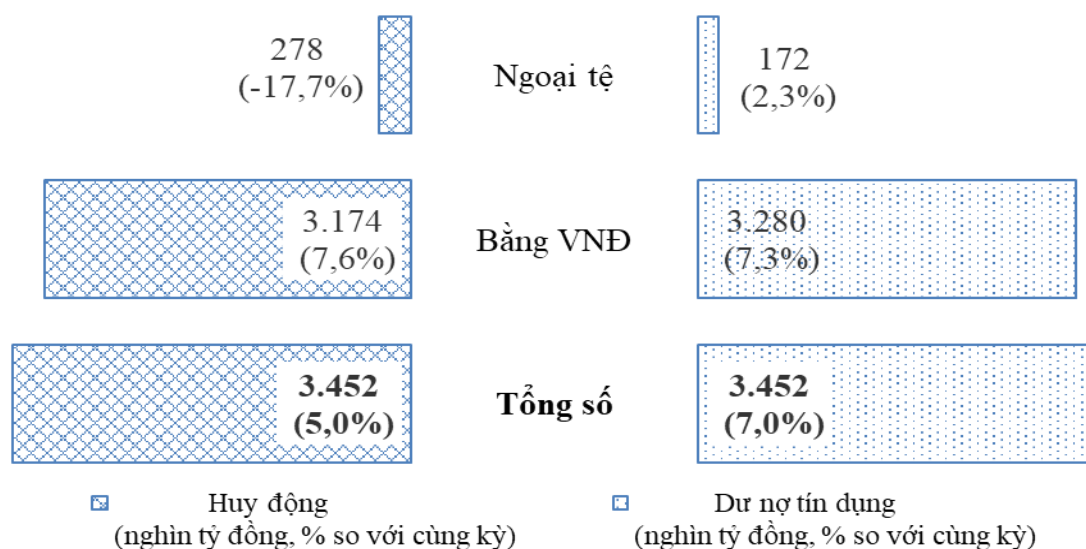
Ngân hàng Nhà nước, trong đó tỷ giá VND/USD và giá vàng có diễn biến tăng so với tháng trước. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 5,0% và dư nợ tăng 7,0% so với cuối năm 2022.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/12/2023 đạt 3.452 nghìn tỷ đồng, tăng 5,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VND ước đạt 3.174 nghìn tỷ đồng, chiếm 91,9% tổng vốn huy động, tăng 7,6% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 278 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,1% tổng vốn huy động, giảm 17,7% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(ước tính đến 31/12/2023)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/12/2023 đạt 3.452 nghìn tỷ đồng, tăng 7,0% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.280 nghìn tỷ đồng, chiếm 95,0% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 7,3% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 172 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,0%, tăng 2,3% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.618 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,9% tổng dư nợ tín dụng, tăng 10,5% so với cùng kỳ.

Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.834 nghìn tỷ đồng, chiếm 53,1% tổng dư nợ tăng 4,1% so với cùng kỳ.

1.2. Chứng khoán

Trong tháng 11/2023, khối lượng giao dịch trên sàn Hose đã tăng 21,8% về khối lượng và tăng 16,1% về giá trị so với tháng trước. Chỉ số VN-Index trong tháng 11 có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 5,2% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/11/2023, đã có 589 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 332 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ quỹ, 242 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 02 mã cổ phiếu và 21 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng 11/2023 có 17 mã chứng quyền hủy niêm yết trên sàn Hose.

Tháng 11 năm 2023 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 18.167,8 triệu chứng khoán và giá trị đạt 368.124,9 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã tăng 21,8% về khối lượng và tăng 16,1% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 90,7% về khối lượng và chiếm 89,6% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 825,8 triệu chứng khoán với 16.733,0 tỷ đồng được giao dịch.

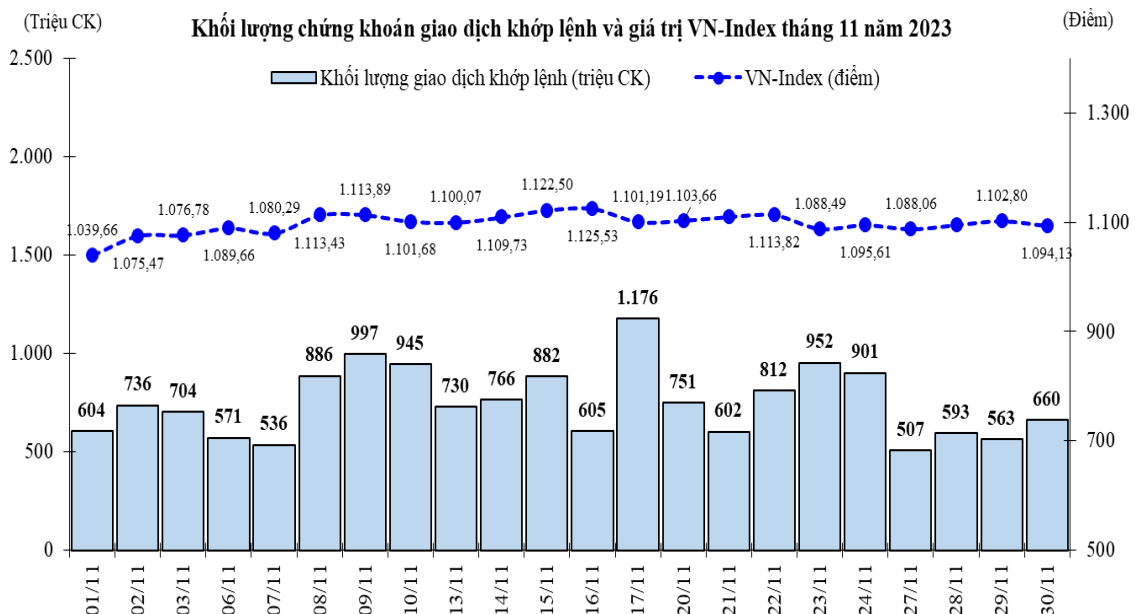
Lũy kế 11 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 177.289,9 triệu chứng khoán với giá trị đạt 3.460.670,0 tỷ đồng, tăng 15,3% về khối lượng nhưng giảm 16,5% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,1% về khối lượng và chiếm 89,3% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 784,5 triệu chứng khoán với 15.312,7 tỷ đồng được giao dịch, tăng 15,8% về khối lượng nhưng giảm 16,1% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2023 như sau:

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2023	Lũy kế 11 tháng 2023	Tháng 11/2023 so với tháng 10/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	18.167,8	177.289,9	121,8	115,3
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	13.493,0	139.222,9	123,1	111,3
- Trái phiếu	1,4	47,6	25,5	69,7
- Chứng chỉ quỹ & ETF	158,3	1.307,8	143,0	80,6
- Chứng quyền	4.515,1	36.711,6	117,7	136,4
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2023	Lũy kế 11 tháng 2023	Tháng 11/2023 so với tháng 10/2023	So với cùng kỳ
- Giao dịch khớp lệnh	16.479,3	161.469,3	119,7	114,1
- Giao dịch thoả thuận	1.688,5	15.820,6	148,3	129,0
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	368.124,9	3.460.670,0	116,1	83,5
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	286.549,1	2.693.732,4	118,2	79,5
- Trái phiếu	6,0	217,7	23,0	32,3
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.992,2	25.468,3	127,8	70,8
- Chứng quyền	78.577,6	741.251,6	108,4	103,2
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	329.825,9	3.091.606,2	113,9	86,2
- Giao dịch thoả thuận	38.299,0	369.063,8	138,4	66,2

Chỉ số VN-Index trong tháng 11 năm 2023, với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 15 phiên tăng điểm và 07 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 11 năm 2023, VN-Index đạt 1.039,66 điểm, tăng 1,1% (tương ứng tăng 11,47 điểm) so với phiên giao dịch cuối tháng trước và tăng 3,2% (tương ứng tăng 32,57 điểm) so với 30/12/2022. VN-Index trong tháng 11 có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng khi VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 5,2% (tương ứng giảm 54,47 điểm) so với phiên giao dịch đầu tháng, tăng 8,6% (tương ứng tăng 87,04 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.408.575 tỷ đồng, gấp 2,7 lần quy mô ước tính GRDP của Thành phố năm 2023.



Cập nhật phiên giao dịch ngày 21/12/2023 có 573 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 328 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 232 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.088,49 điểm, tăng 8,1% (tương ứng tăng 81,40 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.383.232 tỷ đồng.

2. Đầu tư và xây dựng

2.1. Vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố quý IV năm 2023 ước thực hiện 119.16,7 tỷ đồng, tăng 11,5% so với quý trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo nguồn vốn: Vốn nhà nước ước đạt 30.793,2 tỷ đồng, tăng 21,6% so với quý trước và tăng 35,4% so với cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước ước đạt 77.412,6 tỷ đồng, tăng 6,6% so với quý trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 10.961,8 tỷ đồng, tăng 22,8% so với quý trước và tăng 5,0% so với cùng kỳ.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 71.561,8 tỷ đồng, tăng 12,1% so với quý trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 33.244,7 tỷ đồng, tăng 12,0% so với quý trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 6.490 tỷ đồng, tăng 7,1% so với quý trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ; bổ sung vốn lưu động ước đạt 5.808,3 tỷ đồng, tăng 6,1% so với quý trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ; vốn đầu tư khác ước đạt 2.062,9 tỷ đồng, tăng 12,3% so với quý trước, tăng 92,6% so với cùng kỳ.

Tính chung năm 2023, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 370.607,8 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo nguồn vốn: Vốn nhà nước ước đạt 86.231,3 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2022, chiếm 23,3% tổng nguồn vốn; vốn ngoài nhà nước ước đạt 248.115 tỷ đồng, tăng 7,6%, chiếm 66,9% tổng nguồn vốn; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 36.261,5 tỷ đồng, tăng 9,8%, chiếm 9,8% tổng nguồn vốn.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 222.207,7 tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2022; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 104.811,9 tỷ đồng, tăng 10,8%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 20.076,3 tỷ đồng, tăng 10,2%; bổ sung vốn lưu động ước đạt 17.967,6 tỷ đồng, tăng 15,4%; vốn đầu tư khác ước đạt 5.544,3 tỷ đồng, tăng 63,9%.

Tình hình thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023

	Thực hiện quý III/2023 (Tỷ đồng)	Ước tính quý IV/2023 (Tỷ đồng)	Ước tính năm 2023 (Tỷ đồng)	Năm 2023 so với cùng kỳ (%)	Tỷ trọng nguồn vốn năm 2023 (%)
TỔNG SỐ	106.895,8	119.167,7	370.607,8	111,1	100,0
NGUỒN VỐN					
- Vốn nhà nước trên địa bàn	25.319,0	30.793,3	86.231,3	123,1	23,3
- Vốn ngoài nhà nước	72.647,5	77.412,6	248.115,0	107,6	66,9
- VĐT trực tiếp nước ngoài	8.501,3	10.961,8	36.261,5	109,8	9,8
KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ					
- Xây dựng cơ bản	63.845,6	71.561,8	222.207,7	110,1	60,0
- Mua sắm TSCĐ	29.680,2	33.244,7	104.811,9	110,8	28,3
- Sửa chữa lớn	6.059,0	6.490,0	20.076,3	110,2	5,4
- Vốn lưu động	5.473,9	5.808,3	17.967,6	115,4	4,8
- Vốn đầu tư khác	1.837,1	2.062,9	5.544,3	163,9	1,5

Trong đó, Vốn doanh nghiệp Nhà nước trong quý IV/2023 tập trung vào đầu tư hạ tầng điện, nước, xăng dầu của Thành phố³; Vốn doanh nghiệp ngoài Nhà nước trong quý IV/ 2023 tập trung tăng vào các ngành nhà hàng, dịch vụ ăn uống, thương mại, y tế; các dịch vụ giải trí khác⁴; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung tăng cao ở một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp⁵.

2.2. Vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 12 năm 2023 đạt 7.219,7 tỷ đồng, tăng 14,2% so với tháng trước và tăng 106,7% so với cùng kỳ. Tính chung năm 2023 ước thực hiện 49.353,6 tỷ đồng, tăng 64,4% so với năm 2022 (Năm 2022 thực hiện 30.121,1 tỷ đồng). Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 48.917,8 tỷ đồng, tăng 64,9% so với năm 2022, đạt 69,4% vốn Kế

³ Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH quý IV/2023 ước thực hiện 2.690,1 tỷ đồng; Công ty TNHH một thành viên thuốc lá Sài Gòn ước thực hiện 1.638,4 tỷ đồng; Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH ước thực hiện 1.209,1 tỷ đồng; Tổng công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam ước thực hiện 643,7 tỷ đồng; Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH một thành viên ước thực hiện 636 tỷ đồng.

⁴ Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao ước thực hiện 585,3 tỷ đồng; Công ty cổ phần sữa Việt Nam ước thực hiện 152,1 tỷ đồng; Công ty phát điện 3 – Công ty CP ước thực hiện 130 tỷ đồng; Công ty TNHH thời trang và mỹ phẩm Âu Châu ước thực hiện 49 tỷ đồng; Công Ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam ước thực hiện 47 tỷ đồng.

⁵ Công ty TNHH Intel Products Việt Nam ước thực hiện quý IV/2023 đầu tư vào sản xuất linh kiện điện tử 1.111,6 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Green Planet Distribution Center đầu tư vào ngành xây dựng 150 tỷ đồng; Công ty TNHH điện tử Samsung ước thực hiện 145,1 tỷ đồng; Công ty TNHH phát triển Phú Mỹ Hưng ước thực hiện đầu tư vào ngành bất động sản 151,0 tỷ đồng.

hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 440,8 tỷ đồng, tăng 22,5%, đạt 65,8% vốn Kế hoạch.

Tình hình thực hiện Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách năm 2023

	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đồng)	Ước tính năm 2023 (tỷ đồng)	Năm 2023 so với cùng kỳ (%)	Năm 2023 so với Kế hoạch (%)
TỔNG SỐ	71.188,2	49.353,6	164,4	69,3
Vốn ngân sách cấp Thành phố	70.518,1	48.917,8	164,9	69,4
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	65.107,1	45.189,2	177,7	69,4
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>12.844,7</i>	<i>11.782,8</i>	<i>135,0</i>	<i>89,4</i>
Vốn nước ngoài (ODA)	1.412,6	1.246,7	156,6	88,3
Xổ số kiến thiết	3.998,4	2.476,9	73,1	69,1
Vốn ngân sách cấp huyện	670,1	440,8	122,5	65,8

Tính đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2023, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã giải ngân là 36.465 tỷ đồng, đạt 53,1% so với Kế hoạch vốn năm 2023 UBND Thành phố giao, đạt 51,7% so với Kế hoạch vốn Thủ Tướng Chính phủ giao. Ước tính năm 2023, giải ngân đạt 38.197 tỷ đồng, đạt 55,7% so với Kế hoạch vốn UBND Thành phố giao và đạt 54,2% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên): Dự án đã hoàn thành trên 95% tổng khối lượng, trong đó có những gói thầu đạt trên 98% và dự án lên kế hoạch đưa vào khai thác thương mại vào tháng 7/2024. Nhật Bản đã ký hợp tác khoản vay ODA có ràng buộc lần thứ 4 trị giá 41,2 tỷ yên (tương đương 7.000 tỷ đồng) nhằm bổ sung vốn, hoàn thành tuyến Metro. UBND Thành phố quyết định tăng vốn điều lệ ban đầu của Công ty TNHH một thành viên Đường sắt đô thị số 1 Thành phố Hồ Chí Minh lên gần 270 tỷ đồng, để chuẩn bị cho công tác khai thác tuyến tàu điện đầu tiên của Thành phố.

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 tại huyện Bình Chánh: Tiến độ đoạn đường song hành Quốc lộ 50 đạt trên 35% khối lượng thi công và đoạn mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu dài hơn 2,5 km đang được tổ chức mời thầu. Các nhà thầu nỗ lực đẩy nhanh tiến độ nhưng do vướng mặt bằng và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật nên dự án đang chậm tiến độ, trong đó hai khu vực chưa giải tỏa mặt bằng làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ toàn bộ dự án: 200 m điểm đầu dự án nơi giao tiếp giữa đường song hành Quốc lộ 50 và đường Nguyễn Văn Linh; khoảng 50 m tại điểm

giao nhau giữa đoạn đường song hành với Quốc lộ 50 hiện hữu. Dự kiến dự án mở rộng Quốc lộ 50 sẽ hoàn thành vào ngày 31/12/2024.

Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố: Dự án đang được đẩy nhanh tiến độ bồi thường, mặt bằng bàn giao đạt tỉ lệ hơn 94%; tiến độ giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn đã hoàn thành, huyện Củ Chi đạt 98%, huyện Bình Chánh đạt 96%, thành phố Thủ Đức đạt 90%. Vướng mắc bồi thường chủ yếu tại khu vực thành phố Thủ Đức, đã chi trả 412/587 trường hợp trong đó 286/412 hộ đã bàn giao mặt bằng. Dự kiến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án sẽ hoàn thành trước ngày 30/12/2023 để bàn giao cho chủ đầu tư.

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố: Dự án được chia làm 14 gói thầu xây lắp, trong đó có 10 gói thầu xây lắp chính và 4 gói thầu phụ trợ, phục vụ khai thác vận hành. Tính đến thời điểm hiện tại, Thành phố đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu cho 05/14 gói thầu. Dự án đang gặp vấn đề khó khăn về nguồn cung cấp đất, cát đắp; đây cũng là khó khăn chung của các dự án cao tốc đang thi công ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Dự án nút giao thông An Phú: Tất cả các hạng mục của Dự án được các đơn vị liên quan tập trung thi công cao độ nhằm đảm bảo tiến độ dự án. Trong đó: Khu vực hầm chui trên đường Mai Chí Thọ đã thi công tới nhịp thứ 5 và đổ bê tông nền hầm; điểm cuối hầm phía hướng đang chuẩn bị mặt bằng cho công tác tiếp theo. Hạng mục thi công cầu Bà Dạt (phía đầu hầm chui) dự kiến hết tháng 12 sẽ hoàn thành phần cơ bản của tất cả các hạng mục; thông xe kỹ thuật vào đầu năm 2024; vượt tiến độ trước 2 tháng so với tiến độ chung của toàn bộ dự án. Hạng mục thi công cầu Giồng Ông Tố, khu vực đường Đồng Văn Cống các trụ cầu cũng được hoàn thiện, chuẩn bị được lắp đặt dầm cầu giữa 02 cầu Giồng Ông Tố hiện hữu. Công trình dự kiến thông xe kỹ thuật vào tháng 10 năm 2024.

2.3. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 11, toàn Thành phố đã cấp 21.273 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn với diện tích sàn 4.027,1 nghìn m², giảm 29% về giấy phép (-7.943 giấy phép), giảm 29,6% về diện tích (-1.528,6 nghìn m²) so với cùng kỳ. Trong đó, cấp xây dựng mới 19.227 giấy phép với diện tích 3.709,4 nghìn m² và 2.046 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 317,8 nghìn m².

3. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2023 không thay đổi so với tháng trước và tăng 2,67% so với cùng kỳ. CPI bình quân năm 2023 tăng 3,30% so với năm 2022.

So với tháng trước, có 4/11 nhóm hàng hóa giảm là giao thông (-1,89%); thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,11%); đồ uống và thuốc lá (-0,10%); giáo dục (-0,01%); 06/11 nhóm hàng hóa tăng so với tháng trước, tăng cao nhất là nhóm bưu chính viễn thông và nhà ở, vật liệu xây dựng (+0,51%) và có 01 nhóm hàng hóa không thay đổi so với tháng trước là thuốc và dịch vụ y tế.

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 12 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tăng 0,06%, trong đó nhóm lương thực tăng 0,86%, nhóm thực phẩm tăng 0,04%, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình giảm 0,07%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Giảm 0,10%, do nguồn cung dồi dào chuẩn bị phục vụ nhu cầu cuối năm, trong đó nước khoáng và nước có ga giảm 0,24%, rượu bia giảm 0,05%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,12%, do nhu cầu tiêu dùng và giá nhân công tăng. Trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,07%, giá mũ nón tăng 0,28%; giá giày dép tăng 0,48%, giá dịch vụ giày, dép tăng 0,18%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Tăng 0,51%, chủ yếu do giá điện sinh hoạt tăng 3,22% (việc điều chỉnh giá điện thực hiện từ ngày 09/11/2023), giá nhà ở thuê tăng 0,05%, vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,13%.

Nhóm giao thông: Giảm 1,89%, do có 4 lần điều chỉnh giá bán xăng, dầu (ngày 30/11/2023, ngày 7/12/2023, ngày 14/12/2023 và ngày 21/12/2023) làm cho nhóm nhiên liệu giảm 1,16% so với tháng trước, trong đó giá xăng giảm 5,31%, dầu diesel giảm 7,63%. Bình quân năm 2023 giá xăng, dầu giảm 11,09% so với cùng kỳ, tác động làm CPI chung giảm 0,38 điểm phần trăm.

Nhóm bưu chính viễn thông: Tăng 0,51%, chủ yếu do ngưng các chương trình khuyến mãi, điều chỉnh giá bán điện thoại và phụ kiện.

Nhóm giáo dục: Giảm 0,01%, do việc điều chỉnh giá bán văn phòng phẩm.

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tăng 0,29%, chủ yếu tập trung ở các mặt hàng như Tivi tăng 1,00%, thể thao và giải trí tăng 0,20%, du lịch trọn gói tăng 0,01%.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác: Tăng 0,36%, chủ yếu tập trung ở đồ trang sức tăng 4,67% do giá vàng tăng cao trong thời gian gần đây.

So với tháng 12 năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,67%, trong đó chỉ riêng nhóm dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 3,47%; 09 nhóm còn lại đều tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng là 7,91% và có 01 nhóm không thay đổi là thuốc và dịch vụ y tế.

Bình quân năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,30% so với năm 2022 (bình quân năm 2022 tăng 2,73%), chỉ trừ nhóm giao thông giảm 1,77% và bưu chính viễn thông giảm 2,04%; 9 nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao gồm nhóm giáo dục tăng 13,43%; nhà ở điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,30%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,89%; văn hóa, giải trí, du lịch và đồ uống, thuốc lá đều tăng 3,62%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,49% .

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 12 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân năm 2023 so với cùng kỳ	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ số giá tiêu dùng	104,92	102,67	102,73	103,30
<i>Trong đó: - Lương thực</i>	<i>104,74</i>	<i>109,97</i>	<i>104,19</i>	<i>105,95</i>
<i>- Thực phẩm</i>	<i>102,48</i>	<i>99,58</i>	<i>99,95</i>	<i>102,01</i>
2. Chỉ số giá vàng	110,04	109,78	116,95	101,95
3. Chỉ số giá USD	104,62	100,75	101,14	102,38

Chỉ số giá vàng tháng 12 năm 2023 tăng 4,67% so với tháng trước, tăng 9,78% so với cùng kỳ; bình quân năm 2023 tăng 1,95% so với năm 2022.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 năm 2023 giảm 0,70% so với tháng trước, tăng 0,75% so với cùng kỳ; bình quân năm 2023 tăng 2,38% so với năm 2022.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: Trong năm 2023, số ca mắc là 18.222 ca; 01 ca tử vong.

Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: Trong năm 2023, số ca mắc là 42.441 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Tính đến 15/12/2023 có 5.172 ca mắc, giảm 95,7% so với cùng kỳ. Thành phố hiện đã hết vắc xin phòng Covid-19, vì vậy tạm ngưng tiêm cho người dân và sẽ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Tình hình bệnh Mpox (bệnh đậu mùa khi): Năm 2023, số ca mắc là 96 ca, 06 ca tử vong.

Vệ sinh an toàn thực phẩm,

Trong năm 2023, Thành phố đã tiến hành giám sát an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm đối với 19 lễ hội và sự kiện, kết quả không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống là 12.411 cơ sở, tăng 18,4% so với cùng kỳ; trong đó, số cơ sở vi phạm là 06 cơ sở (chiếm tỷ lệ gần 0,1%), giảm 95,0%.

Trong năm, Thành phố xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm, 42 người bị ngộ độc; không có trường hợp tử vong.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị: Tình hình khám chữa bệnh năm 2023 tại các cơ sở y tế cơ bản đã phục hồi, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố, các tỉnh lân cận.

2. Hoạt động giáo dục

Các cơ sở giáo dục đã chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các giải pháp đề ứng phó với tình hình thiên tai, dịch bệnh, vừa bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác chuyển đổi số được thúc đẩy, triển khai đăng ký nguyện vọng tuyển sinh lớp 10 trực tuyến, việc xử lý dữ liệu tuyển sinh đầu cấp không sử dụng hồ sơ giấy

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2022-2023,

Cấp tiểu học: Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 151.815 học sinh, đạt 99,96%.

Cấp trung học cơ sở: Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS là 111.999 học sinh, đạt 99,88%.

Cấp trung học phổ thông: Năm nay tiếp tục thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia và kết hợp xét tuyển đại học. Hệ phổ thông có 72.596 học sinh dự thi đạt tốt nghiệp đạt 99,51%.

Tình hình tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024,

Tuyển sinh vào lớp 1: Huy động 100% trẻ 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn Thành phố; phân đầu 100% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 được học 2 buổi/ngày; khối tiểu học là 35 học sinh/lớp.

Tuyển sinh vào lớp 6: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học được vào học lớp 6 theo đúng tuyến, sĩ số không quá 45 em mỗi

lớp. Ngoài ra, Thành phố còn tuyển sinh lớp 6 tăng cường ngoại ngữ, gồm tiếng Anh, Pháp, Trung, Nhật, Đức, Hàn. Riêng Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và các trường thực hiện chương trình chất lượng cao thực hiện kết hợp xét tuyển và kiểm tra, đánh giá năng lực.

Tuyển sinh vào lớp 10: Phương thức tuyển sinh là thi tuyển, gồm 4 môn: Ngữ văn, toán, ngoại ngữ và môn chuyên (hoặc môn tích hợp). Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để xét tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (trừ Trường trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Trần Đại Nghĩa và năng khiếu Đại học Quốc gia)

Tình hình năm học 2023-2024,

Khối giáo dục mầm non: Số trẻ đến lớp 315.142 em, tăng 2,0% so với cùng kỳ, toàn Thành phố có 1.275 trường mầm non giảm 30 trường; số phòng học có 16.803 phòng, tăng 7,6%; số giáo viên hiện có 26.525, tăng 5,2%.

Khối giáo dục phổ thông: Có 1.367.981 học sinh, tăng 0,6% so với cùng kỳ; Thành phố có 1.020 trường phổ thông, tăng 15 trường; 34.124 phòng học, tăng 2,1%; 53.483 giáo viên, tăng 2,94%.

3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa nghệ thuật,

Trong năm 2023, Thành phố tổ chức các chương trình văn hóa, lễ hội đặc sắc như: Chương trình nghệ thuật đón tết Nguyên đán Quý Mão; chương trình Hẹn mặt Kỷ niệm 93 năm thành lập Đảng; chương trình sân khấu hóa kỷ niệm 234 năm chiến thắng Đống Đa lịch sử (1789 - 2023); chương trình kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2023); kỷ niệm 325 năm thành lập thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 2023) và kỷ niệm 47 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/7/1976 - 02/7/2023); kỷ niệm 78 năm Ngày Cách mạng Tháng 8 thành công (19/8/1945 - 19/8/2023) và Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023); liên hoan Áo thuật toàn quốc Lần thứ IV năm 2023; lễ hội “Rạng danh văn hóa ẩm thực Việt”; chương trình nghệ thuật múa đương đại quốc tế mang tên "X POSITION ‘O’ 2023" sự kiện kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Singapore; ngày hội văn hóa hữu nghị Việt – Hàn 2023; liên hoan phim ngắn năm 2023; triển lãm quốc tế Vietbuild lần thứ IV năm 2023 với chủ đề “Nhà ở - kiến trúc và trang trí nội ngoại thất”; triển lãm nghệ thuật - Nội thất và chuỗi Word Shop mới của Elle; "Ngày hội Koro Art -

Nước và nghệ thuật 2023”; lễ hội âm nhạc Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - Hồ đô năm 2023... Tính đến hết năm 2023, Thành phố đã tổ chức tổng cộng 17 sự kiện, chuỗi sự kiện quy mô lớn.

Về hoạt động thể thao,

Thể thao quần chúng: Thành phố tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” năm 2023; triển khai và phối hợp thực hiện Ngày Olympic trẻ em và phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2023; tổ chức Giải Marathon VNExpress Ho Chi Minh Midnight, giải chạy HCMC Marathon lần thứ IX – 2023; Thành phố phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức Giải chạy bán Marathon thành phố Thủ Đức năm 2023; tổ chức “Ngày hội Văn hóa – Thể thao Nông thôn mới lần thứ I năm 2023” từ ngày 28/6 đến 2/7 tại công viên 23/9; tổ chức giải Cầu lông Việt Nam mở rộng năm 2023 - Yonex Sunrise Vietnam Open 2023 diễn ra từ ngày 12/9 đến 17/9 tại Nhà thi đấu Nguyễn Du.

Thể thao thành tích cao: Trong năm 2023, Thành phố tập trung cho việc tập huấn và tham dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games 32 với 180/1.003 thành viên tham dự, đã đóng góp 31 huy chương vàng, 24 huy chương bạc, 20 huy chương đồng tại Đại hội, vượt chỉ tiêu đề ra 18 huy chương vàng.

Tại ASIAD 19, Đoàn Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tham gia cùng Đoàn Thể thao Việt Nam với 77 thành viên (gồm 01 cán bộ, 15 huấn luyện viên, 61 vận động viên) tham gia thi đấu 19 môn và phân môn tại Đại hội. Kết quả đạt 02 Huy chương bạc và 04 Huy chương đồng.

Trong năm, thành tích của thể thao Thành phố tại các giải quốc gia là 1.090 huy chương vàng, 879 huy chương bạc và 935 huy chương đồng trên tổng số 125 giải các đội thể thao Thành phố tham gia; thành tích tại các giải quốc tế là 184 huy chương vàng, 105 huy chương bạc và 139 huy chương đồng trên tổng số 42 giải các đội thể thao Thành phố tham gia (số liệu này chưa tính SEA Games và Asiad).

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 15/12/2022 đến 14/12/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông,

Trong năm 2023, xảy ra 1.728 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 19,0% so với năm 2022; làm chết 660 người, giảm 14,6%; bị thương 1.049 người, giảm 20,6%.

Xảy ra 02 vụ tai nạn đường sắt, giảm 33,3%, làm chết 02 người, giảm 33,3%, không có người bị thương.

Tuyến đường thủy nội địa xảy ra 01 vụ, không có thương vong về người.

Về tình hình cháy nổ,

Trong năm, xảy ra 493 vụ cháy, làm 11 người chết; 12 người bị thương, về tài sản thiệt hại ước tính gần 8,1 tỷ đồng. Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong năm 2023, trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế,

Đã phát hiện và xử lý 1.583 vụ vi phạm, giảm 38,4% so với cùng kỳ; 1.600 đối tượng có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng, kinh tế và buôn lậu; tiếp nhận 1.831 tin báo, tố giác liên quan đến tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, trật tự xã hội, môi trường, công nghệ cao.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy,

Trong năm, đã phát hiện, xử lý 2.249 vụ, 4.932 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ 944 kg ma túy các loại; 1.310 ml dung dịch có chứa ma túy; 88,8 kg tiền chất; 152 kg chất nghi ma túy (*đang giám định*), 37 khẩu súng, 253 viên đạn các loại cùng nhiều công cụ, phương tiện liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội,

Trong năm 2023, ghi nhận 6.482 vụ, tăng 1,2% so với năm 2022; làm chết 88 người, bị thương 509 người, tài sản thiệt hại khoảng 1.387 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 3.800/6.482 vụ (đạt 58,6%) và bắt 6.163 đối tượng.

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 23.812 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 12 tháng là 315.797/300.000 lượt người, đạt 105,3% kế hoạch năm.

Trong tháng có 9.611 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới 12 tháng là 141.476/140.000, đạt 101,1% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng là 221 người. Lũy kế từ đầu năm đến 08/12/2023 là 1.817 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp,

Trong năm 2023, đã tiếp nhận 166.032 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 163.691 người lao động đủ điều kiện.

6. An sinh xã hội

Công tác giảm nghèo bền vững,

Tính đến tháng 12/2023, qua kết quả rà soát sơ bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023, Thành phố còn 22.908 hộ nghèo, hộ cận nghèo với 89.893 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ 0,9%/tổng hộ dân Thành phố). Trong đó, có 8.410 hộ nghèo với 32.202 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ hơn 0,3% tổng hộ dân Thành phố) và 14.498 hộ cận nghèo với 57.691 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ gần 0,6%/tổng hộ dân Thành phố).

Về thực hiện Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Đã mua 120.063 thẻ bảo hiểm y tế cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo với số tiền 94,4 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa 1.087 căn nhà tình thương, tình nghĩa với số tiền 54,2 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí khuyến khích hoá táng cho 236 trường hợp với số tiền 239 triệu đồng; tiền điện cho 63.210 lượt hộ nghèo với số tiền 9,5 tỷ đồng; hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện cho 523 lượt lao động với số tiền 254,7 triệu đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho 1.159 lao động và giải quyết việc làm cho 4.281 lao động trong nước, giải quyết đi làm việc ở nước ngoài cho 04 trường hợp; hỗ trợ khó khăn cho 593 hộ; hỗ trợ miễn, giảm học phí cho 22.979 học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, số tiền 12,7 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 31.912 lượt học sinh, số tiền 27,5 tỷ đồng; hỗ trợ học bổng cho 15.860 lượt học sinh nghèo, số tiền hơn 29,5 tỷ đồng; hỗ trợ tiền ăn cho 1.528 lượt trẻ em mẫu giáo, số tiền 2,1 tỷ đồng; hỗ trợ cho 5.445 lượt hộ nghèo diện khó khăn, số tiền là gần 4,4 tỷ đồng; hỗ trợ cho 303 thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn; chăm lo tết Nguyên đán năm 2023 cho 103.039 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo, với số tiền 92,9 tỷ đồng.

Bảo trợ xã hội,

Hiện có 16 cơ sở bảo trợ xã hội công lập tiếp nhận, quản lý 6.276 đối tượng; 01 cơ sở giáo dục với 1.207 học sinh và 01 cơ sở đào tạo nghề cho 492 em; có 63 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập, tiếp nhận và chăm sóc 2.875 người. Trong đó:

người cao tuổi 878 người, người khuyết tật 154 người, trẻ em 1.613 người và các đối tượng khác 230 người.

Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho 136.036 người với số tiền hơn 84,2 tỷ đồng, hỗ trợ đột xuất cho 1.197 trường hợp với số tiền hơn 21,5 tỷ đồng; thực hiện Quyết định số 14/2015/QĐ- UBND về hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng cho hơn 18 nghìn lượt người, số tiền hơn 33 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách với người có công,

Thành phố đã tổ chức kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2023); tổ chức thăm, tặng quà các đối tượng chính sách có công; tổ chức Đoàn đại biểu viếng Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố; tổ chức 25 Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm 96 gia đình chính sách; tổ chức Hội nghị họp mặt 120 người có công tiêu biểu tại Thành phố; Thành phố đã chi quà nhân ngày 27/7 từ nguồn ngân sách Trung ương cho 49.055 người, số tiền gần 15 tỷ đồng; chi quà từ nguồn ngân sách Thành phố cho 71.711 lượt người, số tiền hơn 72,5 tỷ đồng.

Tính đến nay, có 36.718 lượt người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng trên địa bàn Thành phố với tổng kinh phí chi trả gần 76,5 tỷ đồng/tháng.

Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp,

Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp vượt khó khăn trong giai đoạn phục hồi phát triển sản xuất kinh doanh. Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn cho 1.335 người lao động được hưởng, số tiền hơn 5,2 tỷ đồng; Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho 1.406.578 lượt người, số tiền hơn 966,7 tỷ đồng.

Khái quát lại, kinh tế - xã hội Thành phố trong năm 2023 diễn ra giữa lúc kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu phục hồi chậm do khủng hoảng Nga – Ukraine leo thang, kéo dài; xung đột giữa Israel - Hamas diễn ra từ tháng 10/2023 làm dấy lên lo ngại về giá năng lượng, giá lương thực, thực phẩm tăng cao gây áp lực lớn đến lạm phát. Khả năng năm 2024, kinh tế thế giới được hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng chậm lại do cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột Nga – Ukraine không có dấu hiệu hạ nhiệt, thị trường tài chính, tiền tệ ... tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Kinh tế Thành phố vẫn đứng vững dù phải chịu tác động lớn từ kinh tế thế giới trong bối cảnh thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, các nguồn lực về vốn, nhân lực của doanh nghiệp đang cạn dần. Từ mức tăng trưởng GRDP 0,7% của quý I/2023, Thành phố đã triển khai quyết liệt nhiều giải pháp để đạt mức tăng trưởng tích cực trong quý II (+5,87%), quý III (+6,71%). Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội ban hành vào cuối tháng 6/2023 như là động lực, tiếp thêm sức mạnh để kinh tế Thành phố tăng tốc ở quý IV (+9,62%), góp phần đưa tăng trưởng cả năm đạt 5,81%.

Từ những bài học thực tế trong năm 2023, tiếp nối động lực tăng trưởng từ Nghị quyết số 98/2023/QH15, để đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP của Thành phố từ 7,5% đến 8%, Thành phố cần tập trung giải quyết tốt các nội dung chủ yếu sau:

Một là, tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai; giải quyết các xung đột pháp lý về thủ tục giao đất, xác định đơn giá đền bù, thủ tục thanh quyết toán xây dựng cơ bản để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Trước mắt, ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt chú trọng giải ngân 5 dự án trọng điểm mang tính kết nối vùng: Dự án Metro số 1, Metro số 2, Vành đai 3, nhà ga T3, cao tốc HCM – Mộc Bài.

Hai là, tiếp tục rà soát, kiến nghị với Bộ ngành, Trung ương sửa đổi những bất cập quy định chông chéo của các dự án Luật, ưu tiên tháo gỡ những quy định liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 98/2023/QH15.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp kích cầu bao gồm: Đầu tư công; khuyến khích tiêu dùng trong dân cư; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu. Triển khai các chương trình khuyến mãi với quy mô lớn hơn và có kế hoạch dài hơn; tổ chức sự kiện văn hoá, thể thao mang tầm vóc tương xứng của Thành phố

Bốn là, tăng cường công tác dự báo, kiểm tra và bình ổn giá cả; xây dựng các giải pháp nhằm ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường, đặc biệt xu hướng xuất nhập khẩu tại các thị trường lớn của Thành phố; giữ vững ổn định thị trường tài chính, thị trường bất động sản.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tất cả các hoạt động hành chính của cơ quan Nhà nước, xem đây là nhiệm vụ cấp bách trong xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân, từ đó thay đổi tư duy quản lý, phương pháp quản trị điều hành trong toàn xã hội. Tranh thủ thời cơ đẩy nhanh

việc số hoá dữ liệu ở tất cả cơ quan, nhất là dữ liệu dân cư, dữ liệu doanh nghiệp. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, tài chính, giáo dục, y tế.

Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, không làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện có hiệu quả Đề án vị trí việc làm và cải cách tiền lương.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh quý IV và năm 2023.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng